

Số: 41 /2018/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 02 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bình Phước**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

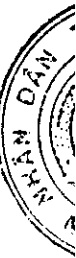
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 06/2016/TTLT-BTTTT-BNV ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ trưởng Bộ Nội vụ về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh;

Thực hiện Quyết định số 999-QĐ/TU ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về việc ban hành Đề án triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

Thực hiện Quyết định số 1135-QĐ/TU ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Phước về những nội dung thực hiện Quyết định số 999-QĐ/TU ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Tỉnh ủy đối với Sở Thông tin và Truyền thông;



Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 57/TTr-STTTT ngày 19 tháng 9 năm 2018 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1898/TTr-SNV ngày 28 tháng 9 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2018 và thay thế Quyết định số 33/2016/QĐ-UBND ngày 09/8/2016 của UBND tỉnh Bình Phước về ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bình Phước.

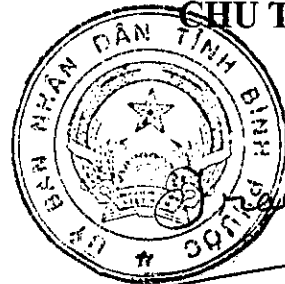
Điều 3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT.HĐND tỉnh;;
- Đoàn ĐBQH, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ (05 bản);
- Sở Tư pháp;
- LĐVP, Phòng NC, KGVX;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT.(H275)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trâm

QUY ĐỊNH

**Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu
tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bình Phước**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 41 /2018/QĐ-UBND
ngày 02 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh Bình Phước)*

Chương I VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG

Điều 1. Vị trí

1. Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bình Phước (sau đây gọi tắt là Sở) là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh. Sở chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Sở có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được cấp kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Chức năng

Sở có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về: Báo chí; xuất bản; bưu chính; viễn thông; tần số vô tuyến điện; công nghệ thông tin; điện tử; phát thanh và truyền hình; thông tin đối ngoại; bản tin thông tấn; thông tin cơ sở; hạ tầng thông tin truyền thông; quảng cáo trên báo chí, trên môi trường mạng, trên xuất bản phẩm và quảng cáo tích hợp trên các sản phẩm, dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin (sau đây gọi tắt là thông tin và truyền thông).

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 3. Sở có nhiệm vụ và quyền hạn sau

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Dự thảo quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, 05 năm và hàng năm, chương trình, đề án, dự án về thông tin và truyền

chính nhà nước, phân cấp quản lý, xã hội hóa về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao;

b) Dự thảo Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở;

c) Dự thảo quy định về tiêu chuẩn chức danh đối với Trưởng, Phó các tổ chức thuộc Sở; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã sau khi phối hợp và thống nhất với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Dự thảo quyết định thành lập, sáp nhập, giải thể các đơn vị thuộc Sở theo quy định của pháp luật;

b) Dự thảo quyết định, chỉ thị thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về lĩnh vực thông tin và truyền thông.

3. Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch phát triển, các chương trình, đề án, dự án, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật về thông tin và truyền thông đã được phê duyệt; tổ chức thực hiện công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở.

4. Về báo chí (bao gồm báo chí in, báo điện tử, phát thanh, truyền hình, bản tin thông tấn):

a) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về hoạt động báo chí trên địa bàn tỉnh;

b) Tổ chức kiểm tra báo chí lưu chiều và quản lý báo chí lưu chiều trên địa bàn tỉnh;

c) Cấp, thu hồi giấy phép hoạt động bản tin cho các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh;

d) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trả lời về đề nghị tổ chức họp báo của cơ quan, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam; trả lời về đề nghị tổ chức họp báo đối với các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh;

đ) Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và đề nghị các cấp có thẩm quyền cấp thẻ nhà báo, cấp phép hoạt động báo chí, giấy phép xuất bản các ấn phẩm báo chí, ấn phẩm thông tin khác theo quy định của pháp luật cho các cơ quan báo chí và các cơ quan, tổ chức khác trên địa bàn tỉnh;

e) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cho phép các cơ quan báo chí của Trung ương, địa phương khác đặt văn phòng đại diện, văn phòng liên lạc, cơ quan thường trú trên địa bàn tỉnh;

g) Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch phát triển sự nghiệp phát thanh, truyền hình của tỉnh sau khi được phê duyệt;

h) Quản lý các dịch vụ phát thanh, truyền hình; việc sử dụng thiết bị thu tín hiệu phát thanh truyền hình trực tiếp từ vệ tinh cho các đơn vị, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

5. Về xuất bản, in và phát hành

a) Cấp, thu hồi giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh cho cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh, cơ quan, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức của trung ương tại tỉnh; cấp, thu hồi giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không nhằm mục đích kinh doanh cho cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh; cấp, thu hồi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm và giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài đối với các cơ sở in xuất bản phẩm thuộc tỉnh theo quy định của pháp luật;

b) Cấp, thu hồi giấy phép hoạt động in các sản phẩm in không phải xuất bản phẩm; xác nhận đăng ký hoạt động cơ sở in trên địa bàn tỉnh; cấp giấy phép chế bản in, gia công sau in cho nước ngoài các sản phẩm in không phải là xuất bản phẩm; cấp giấy chứng nhận đăng ký sử dụng máy photocopy màu; xác nhận chuyển nhượng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu trên địa bàn tỉnh;

c) Cấp, thu hồi giấy phép triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm; tạm đình chỉ việc tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm của cơ quan, tổ chức, cá nhân do tỉnh cấp phép; xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm trên địa bàn tỉnh;

d) Quản lý việc lưu chiếu xuất bản phẩm và tổ chức đọc xuất bản phẩm lưu chiếu do tỉnh cấp phép; kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền khi phát hiện sản phẩm in có dấu hiệu vi phạm pháp luật;

đ) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về xuất bản, in và phát hành; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong hoạt động xuất bản in và phát hành trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền;

e) Tạm đình chỉ hoạt động in sản phẩm in hoặc đình chỉ việc in sản phẩm in đang in trên địa bàn tỉnh nếu phát hiện nội dung sản phẩm in vi phạm Luật Xuất bản và báo cáo Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; tạm đình chỉ việc phát hành xuất bản phẩm

có nội dung vi phạm Luật Xuất bản của cơ sở phát hành xuất bản phẩm trên địa bàn tỉnh;

g) Thực hiện việc tiêu hủy sản phẩm in vi phạm pháp luật theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

6. Về thông tin đối ngoại

a) Xây dựng quy chế, quy định về hoạt động thông tin đối ngoại trên địa bàn tỉnh;

b) Thẩm định về nội dung thông tin đối ngoại của các chương trình, đề án theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh; hướng dẫn nội dung thông tin đối ngoại cho các tổ chức trên địa bàn tỉnh;

c) Xem xét, cho phép trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài ở địa phương theo quy định của pháp luật.

7. Về thông tin cơ sở

a) Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển hoạt động thông tin cơ sở; các quy định về hoạt động thông tin, tuyên truyền, cổ động phục vụ các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của Đảng và Nhà nước;

b) Xây dựng và tổ chức hệ thống thông tin cổ động trực quan trên địa bàn tỉnh;

c) Tổ chức nghiên cứu, đề xuất xây dựng hoặc thẩm định các nội dung tuyên truyền cổ động, thông tin cơ sở theo đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trên địa bàn tỉnh;

d) Hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện công tác thông tin cơ sở; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ hoạt động thông tin cơ sở cho công chức Phòng Văn hóa và Thông tin.

8. Về thông tin điện tử

a) Tiếp nhận, thẩm định và cấp, thu hồi, sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp cho các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra thực tế Điều kiện kỹ thuật của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử đăng ký hoạt động trên địa bàn tỉnh sau khi doanh nghiệp chính thức cung cấp dịch vụ;

c) Công khai danh sách các Điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng được cấp và bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng; cập nhật danh sách các trò chơi GI đã được cấp và bị thu hồi quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản;

d) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện, thị xã quản lý, thống kê, báo cáo tình hình hoạt động của các Điểm truy cập Internet công cộng và Điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

9. Về quảng cáo

a) Hướng dẫn việc thực hiện quảng cáo trên báo chí, trên môi trường mạng, trên xuất bản phẩm và quảng cáo tích hợp trên các sản phẩm, dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền;

b) Giám sát, thanh tra, kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền các vi phạm của các tổ chức, cá nhân hoạt động quảng cáo trên báo chí, trên môi trường mạng, trên xuất bản phẩm và quảng cáo tích hợp trên các sản phẩm, dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền.

10. Về bưu chính

a) Hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức việc thực hiện công tác đảm bảo an toàn, an ninh trong hoạt động bưu chính trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

b) Phối hợp với cơ quan liên quan kiểm tra việc thực hiện các quy định về áp dụng tiêu chuẩn, chất lượng dịch vụ, an toàn, an ninh thông tin trong bưu chính trên địa bàn tỉnh;

c) Cấp văn bản xác nhận hoạt động bưu chính cho các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính theo quy định của pháp luật;

d) Cấp, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép bưu chính cho các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ thư trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền;

đ) Phối hợp triển khai công tác quản lý nhà nước về tem bưu chính trên địa bàn tỉnh.

11. Về viễn thông

a) Hướng dẫn, kiểm tra, chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông triển khai công tác bảo đảm an toàn và an ninh thông tin trên địa bàn tỉnh theo

quy định của pháp luật;

b) Phối hợp với cơ quan liên quan thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về giá cước, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng trong lĩnh vực viễn thông và Internet trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

c) Chủ trì việc thanh tra, kiểm tra hoạt động và xử lý vi phạm của doanh nghiệp, đại lý cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet và người sử dụng trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật và theo ủy quyền của Bộ Thông tin và Truyền thông;

d) Hỗ trợ các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh hoàn thiện các thủ tục xây dựng cơ bản để xây dựng các công trình viễn thông theo giấy phép đã được cấp, phù hợp với quy hoạch phát triển của tỉnh và theo quy định của pháp luật;

đ) Phối hợp với các đơn vị chức năng của Bộ Thông tin và Truyền thông tham gia một số công đoạn trong quá trình cấp phép, giải quyết tranh chấp về kết nối và sử dụng chung cơ sở hạ tầng;

e) Chỉ đạo các Phòng Văn hóa và Thông tin việc thanh tra, kiểm tra hoạt động và xử lý vi phạm của đại lý và người sử dụng dịch vụ viễn thông, Internet trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

12. Về công nghệ thông tin, điện tử

a) Tổ chức thực hiện các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về công nghệ thông tin, điện tử; cơ chế, chính sách, các quy định quản lý, hỗ trợ phát triển công nghiệp phần cứng, công nghiệp phần mềm, công nghiệp điện tử, công nghiệp nội dung số và dịch vụ công nghệ thông tin; về danh mục và quy chế khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia, quy chế quản lý đầu tư ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin sử dụng vốn Nhà nước trên địa bàn tỉnh sau khi được phê duyệt;

b) Tổ chức thực hiện, báo cáo định kỳ, đánh giá tổng kết việc thực hiện các kế hoạch về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước của tỉnh;

c) Xây dựng quy chế, quy định về hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh;

d) Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;

đ) Tổ chức, hướng dẫn thực hiện các quy định về an toàn công nghệ

thông tin theo thẩm quyền;

e) Tổ chức, hướng dẫn thực hiện các dự án ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ thu thập, lưu giữ, xử lý thông tin số phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh;

g) Xây dựng quy chế quản lý, vận hành, đảm bảo kỹ thuật, an toàn thông tin; hướng dẫn sử dụng cơ sở hạ tầng thông tin phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành, tác nghiệp của Ủy ban nhân dân tỉnh;

h) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan quản lý, duy trì, nâng cấp, đảm bảo kỹ thuật, an toàn thông tin cho hoạt động Cổng thông tin điện tử/trang thông tin điện tử (website) của Ủy ban nhân dân tỉnh; hướng dẫn các đơn vị trong tỉnh thống nhất kết nối theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

i) Khảo sát, điều tra, thống kê về tình hình ứng dụng và phát triển công nghiệp công nghệ thông tin; xây dựng cơ sở dữ liệu về sản phẩm, doanh nghiệp tại tỉnh phục vụ công tác báo cáo định kỳ theo quy định;

k) Thực hiện các nhiệm vụ của đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin và cơ quan thường trực Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

13. Về tần số vô tuyến điện

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch phân bổ kênh tần số đối với phát thanh, truyền hình trên địa bàn tỉnh; các quy định về điều kiện, kỹ thuật, điều kiện khai thác các thiết bị vô tuyến điện được sử dụng có điều kiện;

b) Thực hiện thanh tra, kiểm tra hàng năm đối với các tổ chức, cá nhân sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện thuộc mạng thông tin vô tuyến dùng riêng, đài phát thanh, phát hình có phạm vi hoạt động hạn chế trong địa bàn tỉnh; phối hợp với tổ chức Tần số vô tuyến điện khu vực thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch và đột xuất đối với các mạng, đài khác;

c) Xử phạt theo thẩm quyền về vi phạm hành chính đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về sử dụng thiết bị phát sóng và tần số vô tuyến điện trên địa bàn tỉnh.

14. Về sở hữu trí tuệ

a) Phối hợp và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về quyền tác giả đối với sản phẩm báo chí, chương trình phát thanh, truyền hình đã mã hóa, xuất bản phẩm, tem bưu chính, sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin



tin và truyền thông; quyền sở hữu trí tuệ các phát minh, sáng chế thuộc các lĩnh vực về thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh;

b) Thực hiện các biện pháp bảo vệ hợp pháp về sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

c) Hướng dẫn nghiệp vụ bảo hộ các quyền hợp pháp về sở hữu trí tuệ cho các tổ chức, cá nhân đối với sản phẩm, dịch vụ thông tin và truyền thông theo quy định của pháp luật.

15. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và các tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

16. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở quản lý theo quy định của pháp luật.

17. Hướng dẫn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ các lĩnh vực về thông tin và truyền thông đối với Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã.

18. Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về dịch vụ công trong các lĩnh vực về thông tin và truyền thông

a) Quản lý dịch vụ công ích:

Đối với dịch vụ công ích thuộc thẩm quyền quyết định của Trung ương: Sở phối hợp hướng dẫn các doanh nghiệp, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch, dự án cung ứng dịch vụ và giám sát, kiểm tra việc thực hiện, báo cáo kết quả thực hiện tại tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Đối với dịch vụ công ích thuộc thẩm quyền quyết định của tỉnh: Sở chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch, dự án cung ứng dịch vụ và tổ chức triển khai, quản lý thực hiện kế hoạch, dự án theo quy định của pháp luật;

b) Thực hiện quản lý nhà nước đối với các dịch vụ công khác theo quy định của pháp luật.

19. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc tổ chức công tác thông tin liên lạc phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước, phục vụ quốc phòng, an ninh, đối ngoại; thông tin phòng chống giảm nhẹ thiên tai; thông tin về an toàn

cứu nạn, cứu hộ và các thông tin khẩn cấp khác trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

20. Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các dự án đầu tư chuyên ngành về thông tin và truyền thông ở tỉnh theo các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng và theo phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

21. Thực hiện các nhiệm vụ xây dựng, phối hợp xây dựng các định mức kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành thông tin và truyền thông theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

22. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ, thực hiện điều tra, thống kê, thu thập dữ liệu xây dựng hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ trong các lĩnh vực về thông tin và truyền thông và phục vụ sự chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

23. Triển khai thực hiện chương trình cải cách hành chính của Sở theo mục tiêu và chương trình cải cách hành chính của Ủy ban nhân dân tỉnh.

24. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và của Bộ Thông tin và Truyền thông; tham gia thực hiện điều tra, thống kê, cung cấp thông tin về các sự kiện, các hoạt động về thông tin và truyền thông theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

25. Quản lý và tổ chức thực hiện công tác hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực về thông tin và truyền thông do Ủy ban nhân dân tỉnh giao, theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông và theo quy định của pháp luật.

26. Thanh tra, kiểm tra, xử lý và giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong lĩnh vực thông tin và truyền thông theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

27. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng, Thanh tra, các phòng chuyên môn và đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở; quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện chế độ tiền lương và các chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý; tổ chức đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ đối với công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật.



28. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện ngân sách được phân bổ theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

29. Thực hiện việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế đối với các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở theo quy định của pháp luật và Quyết định của Tỉnh ủy.

30. Thực hiện những nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao và theo quy định của pháp luật.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 4. Cơ cấu tổ chức, biên chế

1. Lãnh đạo Sở

a) Sở có Giám đốc (kiêm Phó Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy) và không quá 02 Phó Giám đốc.

b) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Giám đốc, Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của Đảng, nhà nước về công tác cán bộ và theo đúng tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành;

c) Việc miễn nhiệm, cách chức, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách đối với Giám đốc, Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật;

đ) Giám đốc Sở bổ nhiệm, miễn nhiệm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các tổ chức trực thuộc Sở theo tiêu chuẩn chức danh do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành;

e) Giám đốc, Phó Giám đốc Sở không kiêm chức danh Trưởng của đơn vị cấp dưới có tư cách pháp nhân (*trừ trường hợp văn bản có giá trị pháp lý cao hơn quy định*).

2. Cơ cấu tổ chức

a) Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ:

- Văn phòng Sở;

- Thanh tra Sở;

- Phòng Thông tin - Báo chí - Xuất bản;
- Phòng Bưu chính - Viễn thông - Công nghệ thông tin.

Văn phòng có Chánh Văn phòng và Phó Chánh Văn phòng; Thanh tra Sở có Chánh Thanh tra và Phó Chánh Thanh tra; các phòng có Trưởng phòng và Phó Trưởng phòng. Việc bố trí chức danh lãnh đạo cấp phòng theo tiêu chí: Đủ 10 biên chế trở lên sẽ bố trí 01 cấp trưởng, không quá 02 cấp phó; từ 05 - 09 biên chế sẽ bố trí 01 cấp trưởng, 01 cấp phó; phòng dưới 05 biên chế chỉ được bố trí trưởng phòng, không bố trí phó phòng.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập: Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tỉnh Bình Phước (*thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm theo quy định của pháp luật và tiếp nhận nguyên trạng chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế của Trung tâm Tin học – Công báo trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh*).

- Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông có Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc.

- Các phòng chuyên môn thuộc Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông phải đảm bảo đủ các điều kiện về biên chế tối thiểu để thành lập là 05 biên chế và phù hợp với quy định về tổ chức bộ máy. Việc bổ nhiệm chức danh lãnh đạo theo nguyên tắc: Đủ 10 biên chế trở lên sẽ bố trí 01 cấp trưởng, không quá 02 cấp phó; từ 05 - 09 biên chế sẽ bố trí 01 cấp trưởng, 01 cấp phó.

c) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với Chánh Văn phòng Sở, Phó Chánh Văn phòng Sở; Chánh Thanh tra Sở, Phó Chánh Thanh tra Sở; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng; Giám đốc Trung tâm, Phó Giám đốc Trung tâm và các chức vụ khác thực hiện theo quy định của Đảng, Nhà nước về công tác cán bộ và theo phân cấp thẩm quyền quản lý công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

3. Biên chế

a) Biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của Sở được giao trên cơ sở vị trí việc làm gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng số biên chế công chức, tổng số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh giao;



b) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hàng năm Sở chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trình Ủy ban nhân dân tỉnh để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Chế độ làm việc

1. Sở làm việc theo chế độ thủ trưởng. Giám đốc Sở là người đứng đầu Sở, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Sở; chịu trách nhiệm báo cáo công tác trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông; báo cáo trước Hội đồng nhân dân tỉnh, trả lời kiến nghị của cử tri, chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo yêu cầu.

2. Phó Giám đốc là người giúp Giám đốc Sở phụ trách, chỉ đạo một số mặt công tác, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Sở vắng mặt, một Phó Giám đốc được Giám đốc Sở ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Sở.

3. Trưởng phòng và tương đương chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở, chịu trách nhiệm trực tiếp trước Phó Giám đốc Sở phụ trách quản lý về công việc được giao của Phòng. Phó Trưởng phòng và tương đương giúp việc cho Trưởng phòng, được Trưởng phòng phân công phụ trách một số mặt công tác và được ủy quyền điều hành công việc của Phòng khi Trưởng phòng vắng mặt.

4. Sở đảm bảo chế độ họp giao ban hàng tháng để theo dõi, nắm bắt tình hình thực hiện nhiệm vụ trong tháng và xây dựng chương trình công tác cho tháng tiếp theo; tổ chức các cuộc họp bất thường để phổ biến, triển khai các nhiệm vụ đột xuất, cấp bách của Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Thông tin và Truyền thông giao.

Chương IV MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 6. Mối quan hệ công tác của Sở với các ngành, các cấp

1. Đối với Bộ Thông tin và Truyền thông

Sở chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Thông tin và Truyền thông. Giám đốc Sở có trách nhiệm báo cáo tình hình công tác chuyên môn của ngành tại tỉnh với Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông theo định kỳ và yêu cầu đột xuất; tham dự các

cuộc họp, hội nghị do Bộ Thông tin và Truyền thông triệu tập.

2. Đối với Hội đồng nhân dân tỉnh

Sở chịu sự giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, có trách nhiệm báo cáo, cung cấp tài liệu cần thiết cho Hội đồng nhân dân tỉnh theo yêu cầu; trả lời các chất vấn, kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong lĩnh vực quản lý của ngành.

3. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh

Sở chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở phải thường xuyên báo cáo tình hình công tác với Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo định kỳ và yêu cầu đột xuất. Trước khi thực hiện các chủ trương, chính sách của các Bộ, ngành Trung ương có liên quan đến chương trình công tác, kế hoạch chung của tỉnh, Giám đốc Sở phải xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Đối với các sở, ban, ngành

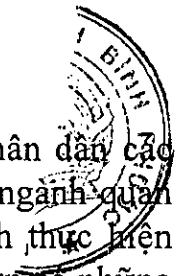
Sở có mối quan hệ phối hợp công tác chặt chẽ với các sở, ban, ngành trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao. Có quyền đề nghị các sở, ban, ngành báo cáo tình hình và những vấn đề có liên quan đến các lĩnh vực mà Sở quản lý bằng văn bản hoặc trực tiếp trao đổi để triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Đối với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã

Sở thường xuyên tăng cường mối quan hệ với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã trong việc thực hiện nhiệm vụ thuộc các lĩnh vực ngành quản lý; phối hợp giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ trên tinh thần hợp tác và tôn trọng lẫn nhau. Trường hợp có những vấn đề chưa nhất trí, các bên xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Đối với Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thị xã

Sở có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành đối với Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã; được quyền yêu cầu Phòng Văn hóa và Thông tin báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn lĩnh vực thông tin, truyền thông trên địa bàn các huyện, thị xã theo chế độ báo cáo thống kê định kỳ và yêu cầu đột xuất.



Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ vào các văn bản pháp luật hiện hành và Quy định này, Giám đốc Sở có trách nhiệm ban hành Quy chế làm việc của Sở và chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Quy chế đó.

2. Giám đốc Sở có trách nhiệm tổ chức triển khai Quy định này đến toàn thể công chức, viên chức, người lao động của Sở. Việc sửa đổi, bổ sung Quy định này do Giám đốc Sở chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trầm